

**TÒA ÁN NHÂN D
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: **955/2017/HSPT**
Ngày 28 - 12- 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phở

Ông Trần Nam Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân D
thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân D thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 938 /2017/HSPT ngày 11 tháng 12 năm 2017 với bị cáo Trương Văn L và Nguyễn Khắc D do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 148/2017/HSST ngày 2/11/2017 của Tòa án nhân D huyện Tr, Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trương Văn L, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở xóm C, xã H, huyện Tr, Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 10/12; D tộc kinh; tôn giáo không; con ông Trương Văn S và bà Đoàn Thị Đ; tiền án, tiền sự không; nhân thân có 01 tiền sự (đã xóa) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2017- có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Khắc D, sinh năm 1993; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở xóm C, xã H, huyện Tr, Hà Nội; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; D tộc kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Khắc Q và bà Vũ Thị B; có

vợ là Trịnh Thị H và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2017 - có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Tường Văn Tr không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

Người bị hại không kháng cáo:

1. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; trú tại Từ Đài, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam - vắng mặt;

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1995; trú tại đội 1, xã Ng, huyện Y, tỉnh Hòa Bình - vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:

1. Anh Nguyễn Vũ Đ, sinh năm 1987; trú tại thôn Đại Khang, xã H, huyện Tr, Hà Nội; vắng mặt;

2. Anh Tạ Văn P, sinh năm 1986; trú tại xóm C, xã H, huyện Tr, Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân D huyện Tr và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân D huyện Tr thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 08/02/2017 anh Nguyễn Thành T và anh Bùi Văn S đi đến quán Internet của Tường Văn L rủ L đi ăn nhậu, L đồng ý. Đến khoảng 2h00' cùng ngày, S, Tr, L đi về quán Internet của L thì gặp Nguyễn Khắc D và Tường Văn Tr. Tại đây, S, T, L, Tr, D rủ nhau đi hát Karaoke nhưng quán Karaoke không mở cửa nên L rủ Tr, S, D, T đi đến thuê phòng 301 của nhà nghỉ Hoàng Long tại xã T, huyện Tr, thành phố Hà Nội để ngủ. Trên đường đi đến nhà nghỉ L có bàn với D và Tr: T và S là người nơi khác đến lại có tiền nên khi vào nhà nghỉ L sẽ rủ T và S đánh bạc ăn tiền nếu thắng L sẽ đứng ra ép T và S phải trả tiền, còn nếu thua thì sẽ không phải trả tiền. Khi đến nhà nghỉ Hoàng Long, L bảo Tr đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ; L rủ mọi người đánh bài; anh T và anh S nói không có tiền nên không chơi; L bảo, chơi vui cũng được. Lúc này, có 01 người

phụ nữ tên Th đến chơi, Th mang theo ma túy đá đến và cùng L, Tr, D sử dụng. Sau đó Th đi về, còn lại L, D, T và S đánh bài tính điểm. Đến khoảng 14 giờ 00 ngày 08/02/2017, L và D nói với anh S và anh T thua 50.000.000 đồng không chơi nữa yêu cầu trả số tiền này thì anh T và anh S nói “chơi vui sao lại tính tiền” và không đồng ý trả tiền. Lúc này, Tr và D, L cùng nhau dùng tay chân đánh buộc anh T và anh S yêu cầu trả số tiền trên nhưng thấy anh T, anh S không có tiền, L nói “chỗ quen biết anh em tao cho chúng mày 20.000.000 đồng còn 30.000.000 đồng phải trả bọn tao”. Sau đó, D, L, Tr bắt anh T, anh S dẫn về nhà trọ của hai anh để vay tiền trả cho L, D và Tr. Khi xuống thanh toán tiền phòng nhà nghỉ, do không có tiền thanh toán nên L, Tr, D ép anh S phải để lại chiếc điện thoại Iphone 5S màu trắng tại lễ tân của nhà nghỉ Hoàng Long để làm tin. Khi về đến nhà trọ của anh T, anh S, anh T nói không vay được tiền để trả thì D, Tr, L cùng nhau dùng tay chân đánh anh T, anh S và bắt anh T mang chiếc xe máy Wave S 110 màu đỏ đen BKS 30Y2-7630 của anh T và bắt anh S mang chiếc xe máy Sirius 110 BKS 28F1-060.63 của anh S đi đến quán cầm đồ của anh Nguyễn Vũ Đ bán và cầm cố. Nhưng anh Đ nói chỉ mua xe không nhận cầm cố. Do xe của anh S không có giấy tờ nên anh Đ không mua mà chỉ nhận mua chiếc xe máy của anh T nhưng anh T không đồng ý viết giấy bán xe cho anh Đ thì lại bị Trinh, D, L chửi. Thấy vậy, anh Đ đuổi tất cả ra ngoài đường. Khi ra ngoài đường D, L và Tr lại đánh anh T làm cho anh T sợ phải vào viết giấy bán chiếc xe máy của anh T cho anh Đ với giá 10.000.000 đồng nhưng không lấy tiền mà ngay lúc đó, D đi vào nói với anh Đ cho lấy chiếc xe đạp điện mà trước đó D bán cho anh Đ và việc anh T bán chiếc xe máy trên là để thế chỗ chiếc xe đạp điện và anh Đ đồng ý. D lấy chiếc xe đạp điện này đưa cho Tr đi trả cho bạn D. Sau đó, Tr cùng anh S đi về nhà nghỉ Hoàng Long lấy chiếc điện thoại của anh S về đưa cho L. Khi từ nhà anh Đ về L, D tiếp tục ép anh T phải trả thêm 10.000.000 đồng nữa nhưng anh T không đồng ý thì lại bị L và D cùng nhau dùng tay chân đánh anh T. Do sợ hãi

nên T phải đồng ý sẽ trả thêm cho Tr, L, D 5.000.000 đồng nữa. Sau đó, Tr, L và D đi về nhà; anh T đến gặp anh S và cùng đi về phòng trọ.

Đến khoảng 10 giờ ngày 09/02/2017, L nhờ Nguyễn Tá N đi bán hộ L chiếc điện thoại chiếm đoạt được của anh S và nhờ N mua cho L 500.000 đồng thẻ điện thoại Viettel. Nam bán chiếc điện thoại di động trên tại cửa hàng điện thoại của anh Tạ Văn P được 1.500.000 đồng. Sau đó, Nam mua 500.000 đồng thẻ điện thoại Viettel gồm 02 thẻ giá 200.000 đồng và 01 thẻ mệnh giá 100.000 đồng. N về đưa cho L số thẻ điện thoại Viettel nêu trên và 1.000.000 đồng, L đã sử dụng 01 chiếc thẻ mệnh giá 200.000 đồng.

Ngày 09/02/2017 anh T và anh S đã đến Công an huyện Tr trình báo sự việc như đã nêu trên. Tường Văn L đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an huyện Tr số tiền 1.000.000 đồng, 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 200.000 đồng, 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng. Anh Đ đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an huyện Tr 01 chiếc xe máy Wave S BKS: 30Y2-7630, anh Ph giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an huyện Tr 01 chiếc điện thoại Iphone 5s.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 137 ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản số 137 ngày 01/06/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tr kết luận 01 chiếc xe máy hiệu HONDA Wave S 110 trị giá 4.135.000 đồng; 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA Sirius 110 trị giá 14.703.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng: 2.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 21.638.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tr, Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Tường Văn L, Nguyễn Khắc D, Tường Văn Tr phạm tội "Cướp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trương Văn L 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/2/2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc D 04 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/2/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trương Văn Tr, quyết định xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 và ngày 17/11/2017, các bị cáo Trương Văn L, Nguyễn Khắc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của người bị hại; kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để xử phạt Trương Văn L 05 năm tù; Nguyễn Khắc D 04 năm 6 tháng tù là cần thiết. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết gì mới làm cơ sở xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của các bị cáo; lời khai của người bị hại; kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 8/2/2017, Trương Văn L có ý định cướp tài sản của anh Nguyễn Thành Tr và Bùi Văn S nên đã bàn với Nguyễn Khắc D và Trương Văn Tr rủ anh T và anh S đánh bạc để lấy cơ chiếm đoạt tài sản, nếu đánh thắng, L sẽ đứng ra ép anh T và anh S phải trả tiền, nếu đánh thua thì không phải trả tiền. Tại nhà nghỉ Hoàng Long, L bảo Tr đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ, L, D rủ anh T và anh S đánh bài bằng nhiều hình thức, chơi Liêng, chơi phỏm, chơi 3 cây....với hình thức ghi điểm. Đến khoảng 14 giờ ngày 8/2/2017, L và D nói anh T, anh S thua 50 điểm tương đương 50.000.000 đồng và không chơi nữa, yêu cầu anh T, anh S trả số tiền này, khi anh T và anh S nói không có tiền thì các bị cáo đã dùng vũ lực, đánh ép anh T và anh S phải trả số tiền 30.000.000 triệu đồng. Anh Nguyễn Thành Tr và anh Bùi Văn S sợ hãi phải giao cho các bị cáo 01 chiếc xe máy hiệu HONDA Wave S 110 trị giá 4.135.000 đồng; 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA Sirius 110 trị giá 14.703.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng: 2.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 21.638.000 đồng. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản cũng như sức khỏe của người bị hại, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Trương Văn L là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo bị cáo Nguyễn Khắc D và Trương Văn Tr phạm tội; các bị cáo D và Trình đều là

đồng phạm giúp sức tích cực. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường bồi thường một phần cho người bị hại nên đã xử phạt bị cáo L 5 năm tù, bị cáo D 4 năm 6 tháng tù là đúng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Do đó, cần bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa.

Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên theo qui định của pháp luật, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trương Văn L 05 (năm) năm tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/2/2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc D 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/2/2017.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Văn L, Nguyễn Khắc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 28/12/2017.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa